

Phụ lục 3 Ví dụ minh họa cho các bước đánh giá 1. Bảng số 1 (Bước 1)

Nhóm đầu ra	Đặc tả dựa trên đầu ra (Đúng)	Đặc tả dựa trên đầu vào (Sai — không phù hợp với phương thức PPP)
Mức độ sẵn sàng của hệ thống	Nền tảng phải bảo đảm mức độ sẵn sàng 99,9% mỗi quý (tính theo quý dương lịch). Thời gian bảo trì theo kế hoạch không vượt quá 4 giờ/tháng.	Cơ sở phải lắp đặt hệ thống lưu điện (UPS) có cấu hình dự phòng 2N+1 và hai nguồn cấp điện độc lập.
Năng lực tính toán	Hệ thống phải xử lý đồng thời không ít hơn 10.000 tác vụ huấn luyện trí tuệ nhân tạo (AI), với thời gian hoàn thành trung bình trong vòng 4 giờ.	Hệ thống phải có không ít hơn 500 bộ tăng tốc GPU của các nhà cung cấp thuộc danh sách được phê duyệt.
Kết nối	Tất cả các cơ sở được kết nối phải được bảo đảm băng thông riêng tối thiểu 1 Gbps, với mức độ sẵn sàng của mạng đạt 99,95%/năm.	Đơn vị vận hành phải triển khai đường truyền cáp quang 10 Gbps đến từng cơ sở, sử dụng nhà cung cấp được chỉ định cụ thể.
Dịch vụ nền tảng nghiên cứu	Nền tảng phải xử lý không ít hơn 500 hồ sơ đề xuất dự án nghiên cứu mỗi quý, với thời gian phê duyệt trung bình trong 10 ngày làm việc.	Hệ thống phải có hội đồng xét duyệt gồm 20 thành viên, họp hai lần mỗi tháng.
Kết quả	Nếu mô tả được đầu ra thì chuyển sang Bước 2	Nếu không mô tả được đầu ra chuyển sang Bước 4

2. Bảng số 2 (Bước 2)

Bước 2 —Ba tình huống minh họa

TÌNH HUỐNG A — Hợp đồng vận hành, bảo dưỡng (O&M) theo Chương II NĐ 180 (Bước 2 = KHÔNG): Một viện nghiên cứu công lập sở hữu cụm máy tính hiệu năng cao được đầu tư bằng ngân sách nhà nước. Viện muốn thuê một doanh nghiệp công nghệ thông tin tư nhân vận hành, bảo dưỡng cụm máy tính trong thời hạn 7 năm, thanh toán phí quản lý hằng tháng gắn với các chỉ số hiệu quả (KPI) về thời gian hoạt động liên tục của hệ thống. Mục đích: mua một dịch vụ đã được xác định rõ; thanh toán theo kết quả thực hiện. → Bước sàng lọc 2: KHÔNG → chuyển sang Bước sàng lọc 3 → Dự án có thể thực hiện theo PPP theo Chương II NĐ 180 (hợp đồng O&M).

TÌNH HUỐNG B — Liên doanh, liên kết theo Chương III NĐ 180 (Bước sàng lọc 2 = CÓ): Cũng viện nghiên cứu nêu trên muốn cùng thương mại hóa cụm máy tính bằng cách cung cấp dịch vụ GPU có thu phí cho các doanh nghiệp trí tuệ nhân tạo tư nhân, phân chia doanh thu thương mại theo tỷ lệ 40/60 với một đơn vị vận

hành điện toán đám mây tư nhân chịu trách nhiệm tiếp thị và kinh doanh dịch vụ. Mục đích: cùng khai thác thương mại để chia sẻ lợi nhuận. → Bước 2: CÓ → Liên doanh, liên kết theo Chương III NĐ 180.

TÌNH HUỐNG C — Trường hợp ranh giới (phép thử: ai là bên nhận doanh thu?): Một cơ quan nhà nước muốn doanh nghiệp tư nhân vừa vận hành trung tâm dữ liệu của mình, VỪA cho các khách hàng ngoài khu vực nhà nước thuê phần công suất dư thừa. Đối với doanh thu từ nhu cầu sử dụng của Nhà nước: Nhà nước trả phí dịch vụ (mang đặc điểm của Chương II). Đối với doanh thu từ khách hàng thương mại: liên doanh chia sẻ lợi nhuận (mang đặc điểm của Chương III). → Mục đích chính sẽ quyết định hình thức áp dụng; ngoài ra, có thể xem xét cấu trúc kết hợp thông qua hai thỏa thuận riêng biệt.

3. Bảng số 3 (Bước 4)

Áp dụng Bước 4 trong thực tế — Hai tình huống minh họa

Áp dụng chương III ND 180 (Bước 4 = CÓ): Bộ X đã tích lũy dữ liệu viễn thám vệ tinh về lãnh thổ Việt Nam trong 15 năm. Một doanh nghiệp công nghệ nông nghiệp (AgTech) muốn sử dụng nguồn dữ liệu này để phát triển các dịch vụ nông nghiệp mang tính thương mại. Công nghệ phân tích dữ liệu đã sẵn có. Ngay cả khi các sản phẩm nông nghiệp chính xác cụ thể chưa được xác định đầy đủ (Không xác định kết quả cụ thể ở Bước 1 nên chuyển sang Bước 4), dự án vẫn là hoạt động thương mại hóa một tài sản hiện có của Nhà nước. → Liên doanh liên kết theo Chương III ND 180.

Áp dụng chương IV ND 180 (Bước 4 = KHÔNG): Bộ X muốn tài trợ cho một nhóm nghiên cứu và phát triển (R&D) tư nhân để phát triển mô hình AI hoàn toàn mới nhằm dự báo dịch bệnh trên cây trồng. Mô hình này chưa tồn tại, phương pháp tiếp cận mang tính thử nghiệm và không dựa trên bất kỳ tài sản hiện có nào của Nhà nước. → Chuyển sang Bước 5 → Chương IV ND 180.

Đầu ra của bước lựa chọn hình thức hợp tác

Đầu ra của bước lựa chọn là một hình thức hợp tác duy nhất đã được xác nhận, có căn cứ phân tích ghi thành văn bản, thể hiện qua Tờ trình lựa chọn hình thức hợp tác trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Toàn bộ các bước tiếp theo - chuẩn bị dự án, phân tích và hợp đồng - đều phụ thuộc vào việc thực hiện đúng trình tự các bước sàng lọc này.

Ba tình huống mẫu - cùng khung sàng lọc, ba đích đến khác nhau

Mạng đường trục cáp quang quốc gia thanh toán theo phí sẵn sàng: Đầu ra (phạm vi phủ sóng, thời gian hoạt động, độ trễ) đã xác định đầy đủ → vượt qua Bước 1. Nhà nước mua dịch vụ chứ không đồng bán → không thuộc Chương III tại Bước 2. Dự án đáp ứng tất cả điều kiện áp dụng PPP tại Bước 3 → dự án PPP theo Chương II Nghị định số 180/2025/NĐ-CP, cấu trúc hợp đồng dưới dạng BTL với cơ chế thanh toán theo phí sẵn sàng vận hành.

4. Bảng số 4 (Bước 5)

Dịch vụ GPU đám mây phát triển trên siêu máy tính quốc gia, cung cấp thương mại: Đầu ra có thể xác định, nhưng tại Bước 2 các bên cùng bán dịch vụ tính toán trả phí và chia sẻ doanh thu → thuộc Chương III Nghị định số 180/2025/NĐ-CP. Hợp tác dài hạn, doanh thu lớn và Nhà nước cần duy trì quản trị thường xuyên → Liên doanh (Bước 2A).

Chương trình thuật toán lượng tử giai đoạn đầu: Đầu ra không thể xác định trước → không vượt qua Bước 1, chuyển thẳng sang Bước 4. Đây là hoạt động nghiên cứu, không phải thương mại hóa tài sản hiện có → trả lời "không" tại Bước 4, "có" tại Bước 5 → thuộc nhóm hình thức linh hoạt theo Chương IV (Nhà nước tài trợ R&D hoặc đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ).